

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. - Đối với hàng mẫu, hàng triển lãm, quảng cáo, hàng tạm xuất khẩu, tạm nhập khẩu, hàng vận tải quá cảnh và hàng phi mậu dịch, Bộ Ngoại thương ủy quyền cho cục trưởng Cục hải quan cấp giấy phép.

Hàng tháng, Cục hải quan phải báo cáo với Bộ Ngoại thương tình hình cấp và thực hiện giấy phép xuất, nhập khẩu các loại hàng nói trên.

Điều 15. - Các thông tư số 12-BNgT ngày 25-11-1959 của Bộ Ngoại thương quy định thủ tục xuất nhập khẩu hàng triển lãm, thông tư số 15-LB ngày 19-12-1959 của liên Bộ Ngoại thương - Tài chính quy định thủ tục xuất nhập khẩu hàng mẫu và hàng quảng cáo, thông tư số 206-BNgT/HQ ngày 28-12-1962 của Bộ Ngoại thương quy định thủ tục hàng hóa vận tải quá cảnh vẫn có giá trị thi hành.

Điều 16. - Các đồng chí chánh văn phòng, cục trưởng Cục hải quan, giám đốc các vụ có liên quan thuộc Bộ, giám đốc các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm thi hành bản quy định này.

THÔNG TƯ số 53-BNgT/VP ngày 2-10-1982 hướng dẫn thi hành quyết định số 974-BNgT/VP ngày 2-10-1982 của Bộ Ngoại thương về thủ tục xin và cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Ngày 2 tháng 10 năm 1982, Bộ Ngoại thương đã ra quyết định số 974-BNgT/VP ban hành bản Quy định về thủ tục xin và cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (dưới đây gọi tắt là bản quy định).

Để thi hành quyết định nói trên, Bộ hướng dẫn cụ thể một số điểm sau đây:

I. CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

Căn cứ điều 13 của nghị định số 200-CP ngày 23-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về chế độ cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, bản quy định đã ghi rõ trong điều 1 và điều 2 như sau: «Mọi việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu. Cơ quan duy nhất có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là Bộ Ngoại thương».

Theo quy định này, mọi loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, dưới bất kỳ hình thức nào, đều do Bộ Ngoại thương thống nhất quản lý và cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.

Các văn bản ủy nhiệm cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu Bộ Ngoại thương ký trước đây đều bãi bỏ. Từ ngày 1 tháng 1 năm 1983, mọi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đều do Bộ Ngoại thương cấp giấy phép. (Đơn xin phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa do Cục hải quan in theo mẫu thống nhất và bán cho các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương và địa phương).

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Căn cứ điều 4 bản quy định, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng mậu dịch cấp cho các đối tượng sau đây:

1. Các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương (kể cả các đơn vị do Bộ Ngoại thương trực tiếp quản lý).

2. Các công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập theo các quy định của nghị định số 200-CP ngày 23-5-1981 của Hội đồng Chính phủ (mỗi tỉnh, thành phố cần tập trung đầu mối giao dịch, ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu vào một công ty xuất nhập khẩu).

Đối với các tổ chức kinh tế xã hội và cá nhân, Bộ Ngoại thương chỉ cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng phi mậu dịch.

III. THẺ THỰC THI HÀNH GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG MẬU DỊCH

A. Đối với các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương:

1. Xuất khẩu, nhập khẩu với các nước xã hội chủ nghĩa:

a) Theo điều 8 bản quy định, các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu làm đơn xin phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa một lần cho mỗi hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu ký với công ty ngoại thương các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả trường hợp hợp đồng được thực hiện bằng nhiều chuyến, tại nhiều cửa khẩu và trong một thời gian dài.

b) Khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến hàng, tổng công ty hoặc công ty xuất nhập khẩu làm tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu với cơ quan hải quan cửa khẩu và xuất trình giấy phép do Bộ Ngoại thương cấp. (Tờ khai hàng phải phù hợp với giấy phép, theo mẫu do Cục hải quan ấn định).

c) Cơ quan hải quan cửa khẩu ghi rõ tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá chuyến hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu vào giấy phép, làm căn cứ cho việc theo dõi thực hiện giấy phép cấp cho mỗi hợp đồng.

2. Xuất khẩu, nhập khẩu với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa:

a) Theo điều 9 bản quy định, các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu, căn cứ hợp đồng đăng ký và lưu ở Bộ Ngoại thương, phải làm đơn xin phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu từng chuyến hàng. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến

chỉ có giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng tại cửa khẩu và trong thời hạn ghi trong giấy phép.

b) Khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu chuyến hàng đó, tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu làm tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu và xuất trình với cơ quan hải quan cửa khẩu giấy phép Bộ đã cấp cho chuyến hàng đó.

c) Cơ quan hải quan cửa khẩu chỉ được làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu những hàng ghi trong giấy phép và tờ khai hàng.

B. Đối với các công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Trường hợp trực tiếp xuất nhập khẩu:

a) Theo điều 7 bản quy định, công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố được trực tiếp xuất nhập khẩu, căn cứ kế hoạch xuất nhập khẩu hàng năm của đơn vị, gửi Bộ Ngoại thương đơn xin phép xuất nhập khẩu 6 tháng theo mẫu quy định (đơn xin phép xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm, gửi trước ngày 5 tháng 12 năm trước, đơn xin phép xuất nhập khẩu 6 tháng cuối năm gửi trước ngày 5 tháng 6 năm thực hiện).

b) Sau khi Bộ Ngoại thương cấp giấy phép 6 tháng, công ty vẫn có quyền xin phép xuất nhập khẩu bổ sung.

c) Trong trường hợp có một số mặt hàng, số lượng ghi trong đơn xin phép xuất nhập khẩu 6 tháng phải sửa đổi, cơ quan cấp giấy phép có thể sửa trực tiếp vào đơn xin phép nhưng phải có chữ ký và dấu xác nhận của Bộ. Nếu phải sửa đổi hầu hết về tên hàng, số lượng, cơ quan cấp giấy phép có thể thay thế bằng một danh mục hàng được phép xuất khẩu, nhập khẩu khác kèm theo, nhưng phải hủy bỏ các mặt hàng đã ghi trong đơn xin phép, hoặc yêu cầu công ty làm đơn xin phép xuất nhập khẩu khác thay thế.

d) Trên cơ sở giấy phép 6 tháng Bộ Ngoại thương cấp, đối với từng chuyến

hàng xuất, nhập khẩu, công ty làm thủ tục xin cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến với tổ cấp giấy phép xuất nhập khẩu do Bộ Ngoại thương thành lập ở cửa khẩu. (Đơn xin phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến của công ty cũng phải theo đúng mẫu in sẵn như đối với các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương. Công ty phải mua mẫu này tại cơ quan hải quan).

e) Căn cứ giấy phép 6 tháng và trong phạm vi mặt hàng, số lượng ghi trong giấy phép, tổ cấp giấy phép nói trên làm thủ tục cấp giấy phép chuyển cho công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố.

g) Khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu chuyển hàng, công ty làm tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu với cơ quan hải quan cửa khẩu và xuất trình giấy phép do tổ cấp giấy phép cấp.

h) Cơ quan hải quan cửa khẩu chỉ được làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng ghi trong giấy phép chuyển và tờ khai hàng.

2. Trường hợp ủy thác xuất nhập khẩu.

a) Công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố chưa được trực tiếp xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu hàng cho các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương hoặc công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố được trực tiếp xuất nhập khẩu phải làm đơn xin phép xuất nhập khẩu từng thời kỳ 6 tháng, trên cơ sở bản kế hoạch xuất nhập khẩu hàng năm của đơn vị, theo mẫu quy định gửi Bộ Ngoại thương (đơn xin phép xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 5 tháng 12 năm trước, 6 tháng cuối năm gửi trước ngày 5 tháng 6 năm thực hiện).

b) Trường hợp công ty ủy thác xuất nhập khẩu cho nhiều tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương và địa phương, công ty phải ghi rõ trong đơn xin phép xuất nhập khẩu 6 tháng, tên tổng

công ty, công ty nhận ủy thác và đề nghị: Bộ cấp cho mỗi tổng công ty, công ty nhận ủy thác 1 giấy phép xuất nhập khẩu 6 tháng về những mặt hàng có liên quan đề tổng công ty, công ty này làm thủ tục xin cấp giấy phép chuyển.

c) Căn cứ giấy phép 6 tháng Bộ Ngoại thương cấp, tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương nhận ủy thác làm thủ tục xin cấp giấy phép chuyển tại Bộ Ngoại thương. Công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố nhận ủy thác làm thủ tục tại tổ cấp giấy phép của Bộ ở cửa khẩu.

IV. THỦ TỤC THI HÀNH

1. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng mậu dịch đối với các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương do Bộ Ngoại thương cấp.

2. Giấy phép xuất nhập khẩu từng thời kỳ 6 tháng đối với các công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép xuất nhập khẩu chuyển đối với các công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố được trực tiếp xuất nhập khẩu từ Quảng Ninh đến Nghệ Tĩnh do Bộ Ngoại thương cấp.

3. Giấy phép xuất nhập khẩu chuyển đối với các công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố được trực tiếp xuất nhập khẩu từ Bình Trị Thiên đến Phú Khánh do tổ cấp giấy phép xuất nhập khẩu của Bộ Ngoại thương tại Đà Nẵng cấp.

4. Giấy phép xuất nhập khẩu chuyển đối với các công ty xuất nhập khẩu tỉnh, thành phố được trực tiếp xuất nhập khẩu từ Thuận Hải trở vào Nam do tổ cấp giấy phép xuất nhập khẩu của Bộ Ngoại thương tại thành phố Hồ Chí Minh cấp.

5. Các tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu trung ương và địa phương (tỉnh, thành phố được trực tiếp xuất nhập khẩu) phải mở sổ ghi chép và theo dõi việc thực hiện các giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; hàng tháng phải báo cáo với Bộ Ngoại

- thương và Cục hải quan về việc thực hiện các giấy phép đã cấp đề Cục tổng hợp báo cáo Bộ Ngoại thương.

Hà Nội, ngày 2 tháng 10 năm 1982

K.T. Bộ trưởng Bộ Ngoại thương

Thư trưởng
NGUYỄN TU

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

THÔNG TƯ số 1310-TCTK/PPCĐ
ngày 16-10-1982 hướng dẫn công
tác hạch toán và thống kê theo
quyết định số 146-HĐBT ngày
25-8-1982 của Hội đồng bộ
trưởng.

Thi hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng, Tổng cục Thống kê hướng dẫn một số điểm về công tác hạch toán và báo cáo thống kê trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh như sau.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Trong khi kế hoạch sản xuất của xí nghiệp còn có phần do Nhà nước giao được cân đối vật tư, có phần kế hoạch bổ sung bằng vật tư do xí nghiệp chủ động tìm kiếm và phần sản xuất phụ, xí nghiệp phải tổ chức hạch toán theo các phần kế hoạch trên về các chỉ tiêu liên quan như vật tư, giá thành, sản lượng sản phẩm, tiêu thụ, lỗ lãi, các khoản nộp ngân sách... làm căn cứ cho việc kiểm tra, quyết toán kế hoạch chung thống nhất của xí nghiệp, đồng thời kiểm tra được từng phần riêng của kế hoạch.

2. Xí nghiệp vẫn sử dụng các chứng từ ghi chép ban đầu, sổ sách trung gian, chế độ báo cáo hiện hành, riêng phần vật tư tự tìm kiếm, xí nghiệp phải mở thêm sổ sách chi tiết đề hạch toán riêng và phải báo cáo thêm phụ biểu ban hành theo thông tư này.

II. HẠCH TOÁN VẬT TƯ TỰ TÌM KIẾM

1. Vật tư xí nghiệp tự tìm kiếm đề bổ sung vào sản xuất phải được mở sổ sách hạch toán riêng về hiện vật, giá trị từ khâu thu mua, nhập, xuất, sử dụng làm căn cứ tính giá thành phần kế hoạch bổ sung đồng thời làm căn cứ để đánh giá mặt tích cực, chủ động tự tìm kiếm vật tư đưa vào sản xuất của xí nghiệp.

2. Vật tư tự tìm kiếm, mua bất kỳ từ nguồn nào đều phải có chứng từ hợp lệ xác minh. Trên phiếu nhập, xuất phải có ký hiệu, dấu hiệu riêng, phải ghi rõ nguồn nhập, đối tượng xuất để tiện việc theo dõi kiểm tra. Khi thu mua phải theo khung giá đã quy định trong quyết định số 146-HĐBT của Hội đồng bộ trưởng. Giá đề hạch toán vật tư xí nghiệp tự tìm kiếm là giá thực tế thu mua.

Đề đơn giản công việc tính toán, trong kỳ báo cáo, xí nghiệp có thể sử dụng giá chỉ đạo làm giá hạch toán áp dụng thống nhất cho cả với phần vật tư do Nhà nước cung cấp. Cuối kỳ báo cáo, xí nghiệp tiến hành điều chỉnh chênh lệch giữa giá chỉ đạo với giá thực tế thu mua để tính ra giá thực tế phần vật tư tự tìm kiếm. Trong trường hợp này, xí nghiệp phải mở sổ chi tiết đề hạch toán riêng phần chênh lệch (+, -) giữa giá chỉ đạo và giá thực tế thu mua sau mỗi lần thu mua. Việc điều chỉnh từ giá hạch toán thành giá thực tế thu mua áp dụng theo phương pháp kế toán do Bộ Tài chính hướng dẫn.